

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 277/2019/HS-PT
Ngày 21 – 5 – 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 25/2019/TLPT-HS ngày 03 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Đức Tr do có kháng cáo của bị cáo, kháng cáo của bị hại Hoàng Ngọc T2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 447/2018/HSST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Đức Tr (tên gọi khác: Nguyễn Đức T), sinh năm 1956 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 618/36 XVNT, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn-Thiết kế-Xây dựng KTT; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Kh và bà Nguyễn Thị M; có vợ là bà Nguyễn Thị Mộng Kiều T1 và 02 con (con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 20/10/2017, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Tr từ Chung thân về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo bản án số: 561/2017/HSPT.

Bị tạm giữ, tạm giam ngày 14/10/2014; (*có mặt*).

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

1. Ông Đỗ Hải B – Luật sư của Văn phòng luật sư Quốc Anh, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Đức Tr; (*có mặt*).

2. Ông Hà Thúc Đ – Luật sư của Công ty luật TNHH MTV Luật Huỳnh Hà, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Nguyễn Đức Tr; (*có mặt*).

- *Bị hại có kháng cáo:* Ông Hoàng Ngọc T2, sinh năm: 1979; HKTT: Thị trấn DĐ, huyện TT, tỉnh Thái Bình; chỗ ở: Căn hộ 11A2 chung cư HK, 573 HTP, phường TTĐ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; (*có mặt*).

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo nên Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Tư vấn - Thiết kế - Xây dựng K.T.T (Công ty K.T.T) do Nguyễn Đức Tr làm Giám đốc là chủ đầu tư dự án Chung cư HK ở Quận 7. Ngày 02/10/2007, Nguyễn Đức Tr ký hợp đồng số: 79-K/HĐMB bán cho vợ chồng Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị L1 Căn hộ ký hiệu 11A2 tại Chung cư HK với giá 1.217.312.145 đồng, nhưng chỉ một mình bà L1 đứng tên trên hợp đồng. Sau khi bà L1 thanh toán 1.220.142.458 đồng, ngày 07/2/2009, Công ty K.T.T ký biên bản bàn giao căn hộ cho bà L1, tuy nhiên vợ chồng bà L1 chưa sử dụng căn hộ này.

Khoảng tháng 10/2013, ông Hoàng Ngọc T2 đến Công ty K.T.T liên hệ mua căn hộ và được nhân viên Công ty giới thiệu Căn hộ 11A2. Ông T2 đồng ý mua với giá 1.400.000.000 đồng và đã ký hợp đồng số: 79-K/HĐMB-KTT với Công ty K.T.T mua Căn hộ 11A2. Ngày 25/11/2013, ông T2 đã thanh toán đủ 98% (1.375.000.000 đồng) trị giá căn hộ, còn 2% (25.000.000 đồng) sẽ thanh

toán sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng căn hộ. Ngay sau bàn giao, gia đình ông T2 vào ở tại căn hộ này.

Khoảng tháng 7/2015, bà L1 đến Căn hộ 11A2 kiểm tra thì phát hiện căn hộ này đã bị Công ty K.T.T bán cho ông Hoàng Ngọc T2 như đã nêu trên.

Quá trình điều tra xác định, sau khi Căn hộ 11A2 được bán cho vợ chồng Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị L1 thì vợ chồng bà L1 có nhờ Nguyễn Đức Tr bán giúp căn hộ này nhưng chưa bán được vì chưa có người mua. Một thời gian sau, Nguyễn Tấn N (nhân viên Công ty K.T.T) có gọi điện báo cho bà L1 là có người muốn mua Căn hộ 11A2. Tuy nhiên, lúc này chồng bà là Nguyễn Văn L đang bị tạm giam trong một vụ án hình sự nên không thể cùng bà L1 ký hợp đồng bán căn hộ được. Từ đó, bà L1 không tiếp tục nhờ Công ty K.T.T bán giúp căn hộ nữa.

Cũng khoảng thời gian trên, Công ty K.T.T của Nguyễn Đức Tr đang thực hiện dự án Khu dân cư Central Park, có vay tiền của Ngân hàng Nông nghiệp nên Tr phải huy động nhiều nguồn tiền để trả nợ. Do đó, Tr nảy sinh ý định bán Căn hộ 11A2 để lấy tiền trả nợ. Thực hiện ý định này, Trí chỉ đạo nhân viên đưa Căn hộ 11A2 vào danh sách rao bán, đồng thời chỉ đạo nhân viên khi giới thiệu, tư vấn không được cho khách hàng biết đây là căn hộ của bà L1 và cũng không cho bà L1 biết việc bán căn hộ này. Khi ông Hoàng Ngọc T2 đến Công ty K.T.T hỏi mua căn hộ, nhân viên Nguyễn Văn Niên đã tư vấn bán Căn hộ 11A2, giới thiệu căn hộ này đã được thanh lý cho Công ty K.T.T. Tin lời tư vấn căn hộ thuộc sở hữu của Công ty K.T.T nên ông T2 đồng ý mua với giá 1.400.000.000 đồng. Ngày 30/10/2013, ông T2 nhờ người quen là Nguyễn Thị Ngọc B1 đến Công ty K.T.T ký hợp đồng đặt cọc 200.000.000 đồng. Hợp đồng đặt cọc này do nhân viên Đặng Thị Thanh Th soạn thảo theo chỉ đạo của Tr, nhưng bên nhận cọc đã có chữ ký của Nguyễn Thị Mộng Kiều T1 (vợ của Nguyễn Đức Tr). Trong Hợp đồng này Th tự ghi căn cứ “Hợp đồng môi giới số: 08/HĐMG ngày 01/10/2013 giữa Công ty K.T.T và bà Nguyễn Thị L1”. Đến ngày 21/11/2013, do chưa đủ tiền ký hợp đồng mua bán nên ông T2 tiếp tục nộp 200.000.000 đồng tiền đặt cọc. Ngày 25/11/2013, ông T2 ký Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số: 79-K/HĐMB-KTT (hợp đồng này do nhân viên Đặng Thị Thanh Th soạn đã được Tr ký trước đó) và nộp tiếp cho Công ty K.T.T 975.000.000 đồng. Cùng ngày, nhân viên Nguyễn Tấn N bàn giao căn hộ theo Biên bản bàn giao đã có sẵn chữ ký của Tr cho ông Hoàng Ngọc T2. Toàn bộ số tiền 1.375.000.000 đồng thu được từ ông T2, Trí chỉ đạo thủ quỹ Huỳnh Thị Trúc L không nhập quỹ mà giao hết cho Trí sử dụng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Đức Tr đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đối với Căn hộ 11A2, Chung cư HK: Cơ quan điều tra đã có thông báo tạm ngưng các giao dịch, giao cho ông Hoàng Ngọc T2 tạm thời bảo quản.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 447/2018/HSST ngày 22/11/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Tr (tên gọi khác: Nguyễn Đức T) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt: Nguyễn Đức Tr (tên gọi khác: Nguyễn Đức T) 13 (mười ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt tù Chung thân mà Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo tại Bản án số: 561/2017/HSPT, ngày 20/10/2017. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày: 14/10/2014.

- Áp dụng Điều 41; Điều 42 Bộ luật Hình sự và căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức Tr phải bồi thường cho người bị hại Hoàng Ngọc T2 số tiền 1.375.000.000 (một tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu) đồng.

Giao trả lại quyền quản lý Căn hộ số 11A2 Chung cư HK, 573 HTP, phường TTĐ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị L1 quản lý, sử dụng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07/12/2018, bị cáo Nguyễn Đức Tr có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Mức án mà cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là quá nặng.

Ngày 30/11/2018, bị hại Hoàng Ngọc T2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Cấp sơ thẩm tuyên trả lại căn hộ 11A2 Chung cư HK, 573 HTP, phường TTĐ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là không hợp lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đức Tr kháng cáo kêu oan vì cho rằng bị cáo không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Hoàng Ngọc T2 xác định kháng cáo yêu cầu được quyền sở hữu Căn hộ số 11A2 Chung cư HK, 573 HTP, phường TTĐ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức Tr và kháng cáo của người bị hại Hoàng Ngọc T2:

Căn hộ 11 A2 Chung cư HK đã được Công ty K.T.T do Nguyễn Đức Tr làm Giám đốc ký hợp đồng bán cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1. Bên mua đã giao tiền và bên bán đã giao căn hộ theo đúng như thỏa thuận tại hợp đồng hai bên đã giao kết. Thế nhưng sau đó, Nguyễn Đức Tr lại chỉ đạo nhân viên giới thiệu, tư vấn gian dối, bán căn hộ này cho ông Hoàng Ngọc T2. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Tr phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, là có căn cứ đúng theo quy định pháp luật, không oan. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đức Tr kháng cáo kêu oan nhưng không có tình tiết nào mới.

Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị hại là ông Hoàng Ngọc T2, nên đã buộc bị cáo Tr phải bồi thường cho ông T2 toàn bộ số tiền mà bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt của người bị hại, là đúng theo quy định pháp luật. Ông Hoàng Ngọc T2 kháng cáo yêu cầu được sở hữu căn hộ số 11A2 Chung cư HK, 573 HTP, phường TTĐ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, là không có cơ sở.

Chính vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức Tr và bác kháng cáo của người bị hại ông Hoàng Ngọc T2; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Hà Thúc Đ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức Tr:

Việc Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm cho rằng bị cáo Nguyễn Đức Tr kháng cáo kêu oan nhưng không có tình tiết nào mới là vì những người liên quan đến vụ án gồm vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1, cùng các nhân viên Công ty K.T.T là Nguyễn Tấn N và Đặng Thị Thanh Th không được triệu tập đến phiên tòa hôm nay để làm rõ kháng cáo của bị cáo Tr.

Ông Hoàng Ngọc T2 không phải là người bị hại, nên vụ án này không có bị hại. Các cơ quan tố tụng không làm rõ được việc ông Nguyễn Văn L có vay 50.000 USD của bị cáo Tr hay không, nên bị cáo Tr không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Luật sư Đỗ Hải B bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức Tr:

Bị cáo Tr không phủ nhận bán Căn hộ 11A2 cho hai người, nhưng bị cáo không có hành vi gian dối, vì bà L1 có nhờ Công ty K.T.T bán căn hộ này và bị cáo đã chỉ đạo nhân viên bán căn hộ cho ông T2 là hợp pháp. Theo bị cáo Tr thì chồng bà L1 là ông Lợi có vay của bị cáo 50.000 USD, nên Công ty K.T.T đã bán căn hộ để cầm trả, bị cáo không có hành vi chiếm đoạt. Như vậy, bị cáo Nguyễn Đức Tr không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Trong phần đối đáp, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức Tr và đơn kháng cáo của bị hại Hoàng Ngọc T2 được nộp trong thời hạn, đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ; được xem xét theo trình tự phúc thẩm:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét việc Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức Tr yêu cầu Tòa án triệu tập ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Tấn N và bà Đặng Thị Thanh Th để tham phiên tòa phúc thẩm là không cần thiết, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù bị cáo Nguyễn Đức Tr không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Song, căn cứ vào lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định như sau:

[3.1] Mặc dù, Căn hộ 11 A2 Chung cư HK đã được Công ty K.T.T do Nguyễn Đức Tr làm Giám đốc ký hợp đồng bán cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1. Thế nhưng, sau đó Nguyễn Đức Tr lại tiếp tục chỉ đạo nhân viên giới thiệu, tư vấn gian dối, làm cho ông Hoàng Ngọc T2 tin rằng căn hộ này là của Công ty K.T.T, nên đồng ý mua với giá 1.400.000.000 đồng và đã giao cho Trí 1.375.000.000 đồng. Với thủ đoạn gian dối như trên, Nguyễn Đức Tr đã lừa đảo chiếm đoạt 1.375.000.000 đồng của ông Hoàng Ngọc T2. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Nguyễn Đức Tr phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, là có căn cứ, đúng người, đúng tội theo quy định của pháp luật, không oan đối với bị cáo.

[3.2] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức Tr đã gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây hoang mang, lo lắng trong cộng đồng dân cư tại địa phương, dư luận bất bình lên án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Tr mức án 13 (mười ba) năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đảm bảo cải tạo riêng và răn đe, phòng ngừa chung. Bị cáo Tr kháng cáo kêu oan, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, không đưa ra được tình tiết nào mới bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, nên không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị hại Hoàng Ngọc T2 yêu cầu được quyền sở hữu Căn hộ số 11A2 Chung cư HK, 573 HTP, phường TTĐ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:

Do trong vụ án này đã xác định bị cáo Nguyễn Đức Tr thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt 1.375.000.000 đồng của ông Hoàng Ngọc T2, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định buộc bị cáo Trí phải bồi thường cho người bị hại là ông Hoàng Ngọc T2 số tiền 1.375.000.000 (một tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu) đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt, là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 41 và khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự. Người bị hại ông Hoàng Ngọc T2 kháng cáo yêu cầu được sở hữu căn hộ số 11A2 Chung cư HK, 573 HTP, phường TTĐ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, là không phù hợp với quy định pháp luật nên trên, nên không có cơ sở chấp nhận

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức Tr và không chấp nhận kháng cáo của người bị hại ông Hoàng Ngọc T2; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Những ý kiến, quan điểm của các Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức Tr tại phiên tòa phúc thẩm không phù hợp với phân tích, nhận định nêu trên, nên không được chấp nhận.

[7] Bị cáo Nguyễn Đức Tr phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, hết thời hạn kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức Tr và không chấp nhận kháng cáo của người bị hại ông Hoàng Ngọc T2; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 447/2018/HS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Tr (tên gọi khác: Nguyễn Đức T) phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt: Nguyễn Đức Tr (tên gọi khác: Nguyễn Đức T) 13 (mười ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt tù Chung thân mà Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo tại Bản án số: 561/2017/HSPT, ngày 20/10/2017. Buộc bị cáo Nguyễn Đức Tr (tên gọi khác: Nguyễn Đức T) phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày: 14/10/2014.

+ Áp dụng Điều 41; Điều 42 Bộ luật hình sự và căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức Tr phải bồi thường cho người bị hại Hoàng Ngọc T2 số tiền 1.375.000.000 (một tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu) đồng.

- Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Đức Tr phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, hết thời hạn kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 21 tháng 5 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh ;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- CA Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Sở tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Trại tạm giam Chí Hòa (2);
- Bị hại;
- Lưu (3) T.16 (án HQ).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh